

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH LỤC  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/9/2022  
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Thẩm và bà Nguyễn Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Như Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị L, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn Tr, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Du Văn Ng, sinh năm 1982; nơi ĐKKHTT: thôn Đội 1, xã Ng, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại khu lao động dạy nghề Ngh, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An thuộc Trại giam số 3, Cục C, Bộ C; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Du Văn Ng tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện B, tỉnh Hà Nam. Trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đội 1, xã Ng, huyện B, tỉnh Hà Nam được khoảng 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn;

nguyên nhân là do chị L phát hiện anh Ng nghiện ma túy. Chị L nhiều lần khuyên bảo anh Ng từ bỏ ma túy để giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh Ng không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào ngày 26/6/2017 chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở; vợ chồng chính thức ly thân. Đến năm 2021 anh Ng đã bị bắt và bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” hiện tại đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam số 3, Cục C, Bộ c. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ng để ổn định cuộc sống.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Ngh, tỉnh Nghệ An thực hiện việc tổng đạt thủ tục tố tụng và tiến hành lấy lời khai của anh Du Văn Ng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2022, anh Du Văn Ng trình bày:

Anh và chị Trương Thị L lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện B khoảng tháng 10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Kể từ ngày chị L phát hiện ra anh là người nghiện ma túy thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ như cãi vã nhưng theo anh đó là chuyện bình thường. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị L nên mong muốn được đoàn tụ và xin chị L cho anh thêm cơ hội để sửa chữa sai lầm của mình vì kể từ ngày anh bị tạm giam và đi chấp hành án đến nay anh không có cơ hội để nói chuyện với chị L và chị L không liên lạc với anh. Nhưng nếu chị L vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý để giải thoát cho chị L.

- Về con chung: Chị L, anh Ng đều xác định vợ chồng không có con chung. Hiện tại chị cũng không có thai. Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Ng xác định, anh và chị L chưa xây dựng được tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục có quan điểm:

- Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L với anh Ng. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Ng.

2. Về con chung: Chị L, anh Ng xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Ng xác định, anh và chị L chưa xây dựng được tài sản chung, không có công nợ chung và anh không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L, anh Ng mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị L xin ly hôn anh Du Văn Ng, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Ng có hộ khẩu thường trú và cư trú (trước khi chấp hành án phạt tù) tại thôn Đội 1, xã Ng, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Ng đang chấp hành hình phạt tù và được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Du Văn Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/10/2016 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hoà thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ng nghiện ma túy. Chị L xác định khi chị phát hiện anh Ng nghiện ma túy thì chị đã nhiều lần khuyên bảo anh Ng từ bỏ ma túy để giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh Ng không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào ngày 26/6/2017 chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở; vợ chồng chính thức ly thân. Đến năm 2021 anh Ng đã bị bắt và bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” hiện tại đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam số 3, Cục C, Bộ c. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ng để ổn định cuộc sống. Quan điểm của anh Ng thừa nhận anh là người nghiện ma túy, kể từ khi chị L phát hiện thì vợ, chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ, cãi nhau. Nay anh Ng vẫn còn tình cảm với chị

L nên mong muốn được đoàn tụ. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã Ng thì địa phương có quan điểm do anh Ng nghiện ma túy cách đây hơn 10 năm và đã phải đi tù 02 lần về tội ma túy, anh chị xảy ra đánh cãi chửi nhau nhiều lần, chính quyền địa phương đã hòa giải và khuyên bảo anh Ng nhưng không có kết quả, địa phương xác định cuộc sống chung của vợ chồng anh chị đã chấm dứt từ lâu, khả năng đoàn tụ là không có, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của chị L, anh Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn anh Ng, quan điểm của anh Ng nếu chị L vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh nhất trí. Do vậy chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Ng là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[3]** Về con chung: Chị L, anh Ng xác định vợ chồng không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

**[4]** Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Ng xác định, anh và chị L chưa xây dựng được tài sản chung, không có công nợ chung và anh không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[5]** Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị L, anh Du Văn Ng; mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chị L xin chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Du Văn Ng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị L và anh Du Văn Ng.

**2.** Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị L chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Du Văn Ng. Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000465 ngày 07/6/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh, chị phải nộp (chị L, anh Ng đã thi hành xong tiền

án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Trương Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Du Văn Ng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Ng, B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**